TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1026/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 08/9/2017
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hiền Lũy

Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Bà Nguyễn Thị Tường Thư
2/ Ông Huỳnh Tiến Dũng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Khương – Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nguyên Hà, Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 08/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1167/2016/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2016, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 346/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/7/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 211/2017/QĐST-HNGĐ ngày 11/8/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1989.
Địa chỉ: số nhà 128 Đường số A, Khu phố B, phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Lê Hoàng T, sinh năm 1989
Địa chỉ: số nhà 04 đường K, Khu phố L, phường M, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 11 năm 2016 và lời trình bày của bà Nguyễn Thị Tuyết N:

Bà và ông Lê Hoàng T tự nguyện tìm hiểu và chung sống vợ chồng từ năm 2007, năm 2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống chung của vợ chồng không hoà thuận hạnh phúc do ông T không tìm kiếm việc làm để phụ giúp bà nuôi con mà sống phụ thuộc gia đình. Năm 2015 mâu thuẫn căng thẳng do ông T sử dụng ma tuý, để có tiền mua ma tuý ông đã bán tất cả tài sản của vợ chồng. Bà đã cố gắng chịu đựng nhưng do ông T không thay đổi nên vợ chồng thường xuyên bất hoà, tranh cãi. Do mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, trách nhiệm đối với nhau nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông Lê Hoàng T.

Con chung: có một con chung tên Nguyễn Anh T1, sinh ngày 24/9/2007. Khi bà sinh con vợ chồng chưa đăng ký kết hôn nên giấy khai sinh của con không có tên cha là ông Lê Hoàng T. Hiện con đang sống cùng bà, ly hôn bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu ông Tuấn cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Bị đơn ông Lê Hoàng T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Tuyết N giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Lê Hoàng T. Ông Lê Hoàng T đã được Toà án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Toà án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Tuyết N được ly hôn ông Lê Hoàng T. Giao con chung Nguyễn Anh T1, sinh ngày 24/9/2007 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Ly hôn". Do bị đơn cư trú tại quận Thủ Đức nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung: xét, bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Lê Hoàng T chung sống vợ chồng từ năm 2007, đến năm 2014 thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường M, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T là hợp pháp.

Toà án đã triệu tập ông T tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng ông T không đến Tòa để tham gia và Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của ông T đối với yêu cầu khởi kiện của bà N.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà N là có cơ sở chấp nhận.

Con chung: mặc dù giấy khai sinh của Nguyễn Anh T1 không có tên cha nhưng căn cứ lời khai của bà N phù hợp với lời trình bày của bà Võ Thị M1 (mẹ ông T) và kết quả xác minh tại Phòng lao động thương binh và xã hội - Uỷ ban nhân dân quận Thủ Đức có căn cứ xác định bà N và ông T có một con chung tên Nguyễn Anh T1, sinh ngày 24/9/2007. Hiện tại con đang sống chung với bà N ổn định. Xét, việc quyết định giao con cho ai nuôi Hội đồng xét xử phải xem xét bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con. Ông T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có văn bản n êu yêu cầu về việc nuôi con. Vì vậy, để bảo đảm quyền lợi của con nên tiếp tục giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

Tài sản chung: không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: bà N phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1, khoản 2 Điều 269; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Khoản 1 Điều 56; Điều 57 và Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Tuyết N;

Bà Nguyễn Thị Tuyết N được ly hôn ông Lê Hoàng T.

2. Con chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Anh T1(nữ), sinh ngày 24/9/2007.

Ông Lê Hoàng T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng.

3. Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí:

Bà Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu án phí ly hôn 200.000 (hai trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014376 ngày 25/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Quyền và thời hạn kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại các điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Thủ Đức;
- CCTHADS Q.Thủ Đức;
- Đương sự;
- UBND phường M, quận D, TP.HCM;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Cao Thị Hiền Lũy